

ĐỀ ÁN

**Tổ chức lại Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường
thành Sở Nông nghiệp và Môi trường**

Thực hiện Công văn số 22-CV/BCĐ, ngày 05/12/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW¹; Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18, ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về Kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ; Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18, ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về định hướng gợi ý một số nội dung sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18, ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ ban hành về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; Phương án số 01-PA/TU, ngày 27/12/2024 của Tỉnh ủy Tây Ninh về Phương án định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh theo Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án tổ chức lại Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường như sau:

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Nhằm triển khai thực hiện quyết liệt và mạnh mẽ hơn nữa Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW; Thông báo kết luận số 134/TB-BCĐTKNQ18 ngày 03/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Công văn số 22-CV/BCĐ ngày 5/12/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về Kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, Công văn số 1286-CV/TU ngày 03/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 09-KL/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và Công văn số 12400-CV/VP/TW, ngày 30/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng.

II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

¹ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị trung ương 6, khoá XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả

2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị trung ương 6, khoá XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại và giải thể tổ chức hành chính;

5. Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

6. Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;

7. Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

8. Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

9. Thông báo kết luận số 134/TB-BCĐTKNQ18 ngày 03/12/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

10. Công văn số 22-CV/BCĐ ngày 05/12/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

11. Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo của Chính phủ) về Kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ;

12. Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về định hướng gợi ý một số nội dung sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

13. Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

14. Phương án số 01-PA/TU ngày 27/12/2024 của Tỉnh ủy Tây Ninh về Phương án định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh theo Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

15. Công văn số 1286-CV/TU ngày 03/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 09-KL/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết

Nghị quyết số 18-NQ/TW và Công văn số 12400-CV/VPTW, ngày 30/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng;

16. Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Phần II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc chủ trương, định hướng, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, của UBND tỉnh về mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ định hướng nghiên cứu, đề xuất chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

2. Việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh phải đảm bảo mục tiêu xây dựng được bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đồng thời cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ, uy tín đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ sau hợp nhất bộ máy.

3. Quá trình sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy phải chú trọng công tác tuyên truyền, công tác chính trị, tư tưởng, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình sắp xếp, đề xuất và thực hiện phương án hợp nhất, kiện toàn tổ chức bộ máy. Kịp thời quan tâm giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật đối với công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

4. Xây dựng phương án, chuẩn bị đầy đủ điều kiện cần thiết để sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự khi có quyết định của cấp có thẩm quyền; bảo đảm quá trình thực hiện việc sắp xếp không được ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường, đặc biệt không được ảnh hưởng đến các nhiệm vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

5. Người đứng đầu các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc diện hợp nhất, sáp nhập, tinh gọn tổ chức bộ máy chịu trách nhiệm về lộ trình, kế hoạch và kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức các đơn vị, bộ phận thuộc phạm vi trách nhiệm được giao quản lý.

II. MỤC TIÊU

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối quản lý, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các sở đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; nâng cao hiệu quả phối hợp trong quản lý tài nguyên, môi trường, và nông nghiệp, đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân; tăng cường sự quản lý thông suốt, hiệu lực, hiệu quả từ tỉnh đến xã, trên cơ sở phân cấp, phân quyền hợp lý; tối ưu hóa nguồn lực nhân lực, tiết kiệm chi phí hành chính. Thời gian hoàn thành trong tháng 02/2025.

III. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Thực hiện đồng bộ việc tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ, có biên chế hợp lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng do sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

2. Tổ chức hợp lý các phòng, cơ quan, đơn vị (sau đây gọi chung là đơn vị) tham mưu đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện nguyên tắc một đơn vị thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối. Đảm bảo mỗi phòng (thuộc Sở hoặc thuộc đơn vị) phải có khối lượng công việc yêu cầu bố trí từ 05 biên chế trở lên. Đảm bảo tinh giản biên chế theo đúng lộ trình và chỉ tiêu theo định hướng của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, có lộ trình chuyển biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu đạt tối thiểu 10%.

3. Việc sắp xếp công chức lãnh đạo, quản lý khi thực hiện sắp xếp theo nguyên tắc sau: đối với người đứng đầu đơn vị trong trường hợp sau khi thực hiện sắp xếp không thể bố trí tiếp tục làm người đứng đầu thì được sắp xếp, bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc thấp hơn và được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật; đối với số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị hình thành sau sắp xếp có thể cao hơn quy định, nhưng sẽ có phương án sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định chung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày UBND tỉnh phê duyệt Đề án.

4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tên gọi sau sắp xếp, tinh gọn ở Đề án này về cơ bản thống nhất với tên theo định hướng của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sau khi Trung ương có Nghị định, Thông tư sửa đổi bổ sung các Nghị định, Thông tư hướng dẫn cụ thể sẽ thực hiện theo quy định của Trung ương.

PHẦN III

THỰC TRẠNG VỀ VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT VÀ SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

I. VỀ VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

1.1. Vị trí và chức năng

Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật.

Sở Nông nghiệp và PTNT có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của B: Nông nghiệp và PTNT.

1.2. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.
- 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Kế hoạch, Tài chính; Phòng Phát triển nông thôn.
- 04 Chi cục trực thuộc Sở: Kiểm lâm, Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủy lợi.
- 03 đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Ban quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng.
- Các tổ chức kiêm nhiệm: Văn phòng Điều phối nông thôn mới; Quỹ Phòng chống thiên tai; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng.

1.3. Biên chế và tình hình phân bổ, sử dụng biên chế

Năm 2025, Sở Nông nghiệp và PTNT được giao 360 biên chế, trong đó: 159 biên chế công chức, 201 biên chế viên chức (trong đó, 196 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, 05 biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu được giao năm 2022, năm 2023 và năm 2024 chưa được UBND tỉnh giao).

Tính đến ngày 01/01/2025, tổng số công chức, viên chức và nhân viên hợp đồng (CCVCNLD) hiện có là 529 người, trong đó công chức: 146 người, viên chức: 157 người, hợp đồng lao động: 226 người.

Phụ lục I - thống kê tổ chức bộ máy và nhân sự kèm theo.

1.4. Cơ sở vật chất

Kèm theo Phụ lục II – Tài sản công.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

2.1. Vị trí và chức năng

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở.

Sở Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

- 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản; Phòng Quản lý đất đai; Phòng Bảo vệ môi trường.

- 03 đơn vị sự nghiệp: Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất.

2.3. Biên chế và tình hình phân bổ, sử dụng biên chế

Năm 2025, Sở Tài nguyên và Môi trường được giao 318 biên chế, trong đó: 55 biên chế công chức, 263 biên chế viên chức (trong đó, 15 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, 248 biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu).

Tổng số CCVCNLD hiện có là 512 người, trong đó công chức: 53 người, viên chức: 163 người, hợp đồng lao động: 296 người.

*** Tổng biên chế của 02 Sở: 678 biên chế, trong đó: 214 biên chế công chức, 464 biên chế viên chức** (trong đó, 211 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, 253 biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu). **Hiện có mặt: 1.066 người, trong đó: công chức: 199 người, viên chức: 345 người, hợp đồng lao động: 522 người.**

Phụ lục I - thống kê tổ chức bộ máy và nhân sự kèm theo.

2.4. Cơ sở vật chất

Kèm theo Phụ lục III – Tài sản công.

3. Bộ phận tham mưu quản lý nhà nước về giảm nghèo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

3.1. Vị trí và chức năng

Bộ phận tham mưu quản lý nhà nước về giảm nghèo thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh quản lý nhà nước về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; ban hành các chính sách hỗ trợ đặc thù của địa phương để hỗ trợ hộ nghèo đa chiều, hộ cận nghèo đa chiều, hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

3.2. Tổ chức bộ máy và biên chế: 02 công chức (chuyên viên).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được

Thời gian qua, sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW² và Nghị quyết số 19-NQ/TW³, nhìn chung hoạt động của 02 Sở đạt nhiều kết quả khả

² Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

³ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

quan. Hệ thống tổ chức bộ máy của 02 Sở được đổi mới, tinh gọn hơn, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị trực thuộc được phân định, điều chỉnh hợp lý. Đội ngũ công chức, viên chức của Ngành về trình độ, năng lực, ý thức công việc từng bước được nâng lên; phần lớn công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, có phương pháp làm việc năng động, sáng tạo, tích lũy kinh nghiệm, cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn địa phương. Công tác cán bộ và việc xây dựng đội ngũ công chức, viên chức của 02 Sở cơ bản đã khắc phục được hạn chế, bất cập, từng bước đi vào nền nếp, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai và chặt chẽ hơn.

2. Hạn chế

Chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường còn có nội dung còn trùng lặp, giao thoa: thủy lợi - quản lý tài nguyên nước, khí tượng thủy văn - phòng chống thiên tai; hạ tầng nông thôn, ... Tổ chức bộ máy của 02 Sở vẫn còn nhiều tầng nấc, đầu mối (10 phòng chuyên môn, nghiệp vụ, 04 chi cục và 06 đơn vị sự nghiệp công lập với 66 phòng, trạm, trại, hạt, đội, chi nhánh); kết quả hoạt động có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Các nhiệm vụ, mối quan hệ của một vài cơ quan, đơn vị chưa thật rõ ràng, chồng chéo. Năng lực, trình độ của một số công chức, viên chức còn hạn chế; một vài công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý chưa đáp ứng nhiệm vụ, thiếu chủ động, nhạy bén và sâu sát trong công việc, nội dung và phương pháp làm việc chưa thiết thực, hiệu quả. Việc phân công công việc trong từng cơ quan, đơn vị trực thuộc chưa hợp lý và đồng bộ.

Phần IV PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LẠI

Thực hiện hợp nhất Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường thành 01 Sở; tiếp nhận nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ đang được giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường; tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giảm nghèo từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển sang, cụ thể:

I. TÊN GỌI CỦA CƠ QUAN SAU HỢP NHẤT

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

II. VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở theo quy định pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

III. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN SAU HỢP NHẤT

Trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường đến khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường gồm:

1. Trình UBND tỉnh

- a) Dự thảo quyết định của UBND tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của UBND tỉnh;
- b) Dự thảo kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở trên địa bàn tỉnh;
- c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cho Sở và UBND huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) theo quy định;
- d) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; chi cục thuộc Sở; dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định của pháp luật;
- đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh

- a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công;
- b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;
- c) Dự thảo quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với UBND cấp huyện; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và môi trường công tác trên địa bàn cấp xã với UBND cấp xã.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về trồng trọt, bảo vệ thực vật

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với địa phương, cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn; kế hoạch phát triển trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kế hoạch phòng chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa;

b) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng, bảo vệ và cải tạo nâng cao độ phì đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất; thực hiện cấp mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được UBND cấp tỉnh phê duyệt;

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp.

5. Về chăn nuôi, thú y

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi của địa phương; Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến, chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

b) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật gắn với xử lý

chất thải và bảo vệ môi trường; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật tại địa phương;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, hoạt động thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống vật nuôi; quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh sau khi được UBND tỉnh phê duyệt;

g) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

h) Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan, thức ăn chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện, đánh giá giám sát duy trì điều kiện của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; giám sát việc tiêu hủy đối với thức ăn chăn nuôi vi phạm chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ; đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

6. Về lâm nghiệp

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương; chủ trương chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng; quyết định giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng; quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng, thuê đất để trồng rừng sản xuất; phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định khung giá rừng tại địa phương; quyết định thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ tại địa phương; quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên tại địa phương theo quy định; báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; phương án huy động các lực lượng, vật tư, phương tiện, thiết bị của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh để ứng phó khẩn cấp chữa cháy rừng theo thẩm quyền của UBND tỉnh;

b) Giúp UBND tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi

hành pháp luật về lâm nghiệp; tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; cập nhật cơ sở dữ liệu, hồ sơ quản lý rừng ở địa phương; bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng; khai thác lâm sản; tổ chức sản xuất lâm nghiệp gắn với chế biến và thương mại lâm sản tại địa phương;

c) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch lâm nghiệp; chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về lâm nghiệp theo quyết định của UBND tỉnh;

d) Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của kiểm lâm tại địa phương theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra về sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản kết hợp trong rừng theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lâm nghiệp; công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn giống và rừng giống trên địa bàn tỉnh; xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; tổng hợp, cập nhật, công bố công khai danh mục nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận hoặc hủy bỏ công nhận; trồng rừng; nuôi dưỡng rừng; làm giàu rừng; cải tạo rừng tự nhiên và khoanh nuôi tái sinh rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng;

g) Tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, phòng hộ thuộc địa phương quản lý, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển cây lâm nghiệp phân tán theo quy định;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã và chủ rừng trong quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương, phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý lâm sản, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng.

7. Về thủy sản

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; quyết định công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên; quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác thủy sản chưa có tên trong danh mục theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia, phối hợp thực hiện công tác giao, thu hồi khu vực đã giao để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật;

c) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn; tổ chức sản xuất khai thác thủy sản; quản lý đối với khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản; điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, khu bảo tồn đất ngập nước, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản; xây dựng cơ sở dữ liệu về thủy sản trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản;

d) Thực hiện quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

e) Quản lý tàu cá, tàu công vụ thủy sản; thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định của pháp luật về khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thu thập, tổng hợp báo cáo số liệu về thủy sản;

g) Quản lý khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh theo quy định;

h) Tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm tại chợ thủy sản đầu mối trên địa bàn tỉnh; quản lý mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

8. Về phát triển nông thôn

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống; phát triển ngành thủ công mỹ nghệ; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp; bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định của pháp luật; bố trí dân cư và

di dân, tái định cư trong nông thôn; theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn; gắn với tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới;

d) Tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh và quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các chương trình, dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công và quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Về giảm nghèo và chính sách nông nghiệp

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; ban hành các chính sách hỗ trợ đặc thù của địa phương để hỗ trợ hộ nghèo đa chiều, hộ cận nghèo đa chiều, hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình;

b) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án an sinh xã hội nông thôn; chương trình hành động không còn nạn đói; bảo hiểm nông nghiệp; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp;

c) Tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định/ Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; kế hoạch rà soát hộ nghèo đa chiều, hộ cận nghèo đa chiều, hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và hộ nghèo không khả năng thoát nghèo;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách về giảm nghèo; chế độ, chính sách và pháp luật đối với người thuộc diện hộ nghèo đa chiều, hộ cận nghèo đa chiều, hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và hộ nghèo không khả năng thoát nghèo;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo thẩm quyền; các chương trình, đề án, dự án về giảm nghèo;

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện rà soát, tổng hợp hộ nghèo đa chiều, hộ cận nghèo đa chiều, hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và hộ nghèo không khả năng thoát nghèo.

10. Về chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông, lâm, thủy sản và muối;

c) Thực hiện công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường, chương trình phát triển thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

11. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối

a) Hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối trên địa bàn theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, tổ chức thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh;

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp theo quy định;

c) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Kiểm tra, truy xuất, thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và quy định của pháp luật;

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật;

e) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý an toàn thực phẩm đối với khu vực và trung tâm logistics nông sản, chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản trên địa bàn theo phân công của UBND tỉnh.

12. Về thủy lợi và tài nguyên nước

a) Tham mưu, trình UBND ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước, công trình thủy lợi khác thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng; kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, khai

thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh thông qua các mức giá và phê duyệt giá cụ thể của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi, phương án lập và thực hiện kế hoạch điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của UBND tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của UBND tỉnh; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn theo phân cấp của UBND tỉnh;

đ) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép về các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; thẩm định hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh, truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định; tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định của pháp luật và phân công của UBND tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn; phối hợp quản lý việc xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

g) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

h) Theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt trong thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, ngập lụt, úng trên địa bàn tỉnh; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

i) Chủ trì xây dựng, trình UBND tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

k) Điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn; Xây dựng hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật;

l) Tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước đối với mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương; xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của địa phương;

m) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nguồn nước phục vụ cung cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông;

n) Tổ chức điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn;

o) Tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh; điều tra, phân vùng chức năng nguồn nước mặt;

p) Tổ chức điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước mặt; Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn; Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp; Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành theo quy định;

q) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn;

r) Tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

s) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc phối hợp thực hiện của các cơ quan tham gia điều phối, giám sát đối với lưu vực sông nội tỉnh.

13. Về phòng, chống thiên tai

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo

dối, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo phân công của UBND tỉnh; quyết định về lực lượng chuyên trách quản lý đê điều, lực lượng quản lý đê Nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đê; cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều; sử dụng bãi sông, bãi nổi, cù lao liên quan đến thoát lũ và đê điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều và phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa, duy tu, bảo dưỡng đê điều, quản lý và bảo đảm an toàn đê điều theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh;

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đánh giá hiện trạng đê điều, xác định trọng điểm xung yếu đê điều; kiểm tra xây dựng, triển khai phương án hộ đê, công tác hộ đê, bảo đảm an toàn đê điều; tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về đê điều trong phạm vi của tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của UBND tỉnh;

đ) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình;

e) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đê điều; xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đê điều và bãi sông theo quy định.

14. Về đất đai

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng nội dung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do UBND cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt; tổng hợp, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c) Chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh quy định hạn mức giao đất, công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự khai phá đất để sản xuất nông nghiệp; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân; diện tích tối thiểu được tách thửa và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đất đai đối với từng loại đất;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật; tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo thẩm quyền; giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc trưng dụng đất theo quy định;

đ) Thực hiện việc đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo thẩm quyền và theo ủy quyền của UBND tỉnh, ký hợp đồng thuê đất; lập, quản lý, cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với các tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư theo quy định;

e) Tổ chức thực hiện và hướng dẫn kiểm tra việc điều tra đánh giá tài nguyên đất; điều tra, khảo sát, đo đạc, đánh giá đất đai; lập, chỉnh lý và quản lý bản đồ địa chính; thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; xây dựng, vận hành hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai;

g) Chủ trì việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất trình UBND tỉnh quy định; lập bản đồ giá đất;

h) Chủ trì việc tổ chức xác định giá đất cụ thể làm căn cứ để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật trình UBND tỉnh quyết định;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương và tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật;

l) Kiểm tra và tổ chức thực hiện việc phát triển quỹ đất; quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định;

m) Theo dõi, đánh giá, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai của địa phương theo quy định của pháp luật.

15. Về tài nguyên khoáng sản

a) Khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; xác định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; đề xuất với UBND tỉnh các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; lập kế hoạch và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh sau khi được phê duyệt;

b) Kịp thời phát hiện và báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi phát hiện có thông tin khoáng sản mới; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

c) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản; hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản; hồ sơ trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ; hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản;

d) Tổ chức tiếp nhận, tính, thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ đầu giá quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với các mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

đ) Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh giải quyết việc khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

16. Về môi trường

a) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức cấp, điều chỉnh sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án; kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản khi tiến hành thủ tục đóng cửa mỏ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; tổ chức xác nhận việc đăng ký và thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện hoạt động đăng ký, công nhận, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo sự phân công của UBND tỉnh; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép nuôi trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

c) Tổ chức quản lý, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn theo quy định của pháp luật, gồm: hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường; tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc tự động liên tục đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc định kỳ đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý theo quy định;

d) Tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu hồi, xử lý các sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tham gia, hướng dẫn, kiểm tra việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và các hoạt động quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức điều tra, đánh giá, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công của UBND tỉnh; tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn theo phân công của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức xây dựng phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học lồng ghép vào quy hoạch tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh mục, dự án thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; tổ chức biện pháp bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo tồn nguồn gen các loài bản địa, loài có giá trị tại địa phương; quản lý, giám sát hoạt động tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen theo quy định của pháp luật; kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; tổ chức kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo đa dạng sinh học, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học cấp tỉnh; lập hồ sơ đề cử công nhận và thực hiện chế độ quản lý các danh hiệu quốc tế về bảo tồn (khu Ramsar, vườn di sản của ASEAN, khu Dự trữ sinh quyển thế giới);

g) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cải tạo phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường, thực hiện quan trắc môi trường, thông tin về chất lượng môi trường, cảnh báo về ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý dữ liệu, thông tin và xây dựng báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật; tham mưu tổ chức thực hiện các chỉ tiêu thống kê môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức xác định thiệt hại đối với môi trường; yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

l) Tổng hợp nhu cầu kinh phí sử dụng nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, gửi Sở Tài chính và Đầu tư phát triển để cân đối trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

m) Tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật;

n) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện trên địa bàn tỉnh và công tác khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật.

17. Về khí tượng thủy văn

a) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng;

b) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn của trung ương trên địa bàn;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai ở địa phương;

đ) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn, phạm vi quản lý;

e) Thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Tổ chức xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn quản lý;

h) Đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin khí tượng thủy văn liên quan đến vận hành của chủ các công trình hồ chứa trong thời gian có lũ theo quy định của pháp luật;

i) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các công trình, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đơn đốc theo thẩm quyền các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo và thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn.

18. Về biến đổi khí hậu

a) Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của địa phương;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện việc lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

d) Tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp địa phương thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Quản lý hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon; kiểm soát hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hằng năm lập báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

i) Tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo phân công của UBND tỉnh.

19. Về đo đạc và bản đồ

a) Thẩm định nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các sở, ngành, UBND các cấp thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện việc đầu tư, xây dựng, vận hành, quản lý, bảo trì, bảo vệ, di dời, hủy bỏ các công trình hạ tầng đo đạc thuộc phạm vi quản lý;

c) Tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

d) Quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; quản lý việc lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

đ) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức sát hạch, cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II; lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, đăng tải thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

g) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các xuất bản phẩm bản đồ có nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản, các xuất bản phẩm bản đồ, sản phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật theo quy định;

h) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn; xây dựng báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh hàng năm, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

20. Về viễn thám

a) Tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám thám trong điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý;

b) Xác định nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám của địa phương, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận; thực hiện thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương; gửi bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia theo quy định pháp luật;

c) Thẩm định, quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám trên địa bàn theo quy định pháp luật.

21. Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

22. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của UBND tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

23. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số về nông nghiệp và môi trường

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh; tích hợp, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp và môi trường;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, hạ tầng mạng, nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý; thực hiện bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng theo quy định;

c) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế - xã hội;

d) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến về nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng dịch vụ công Bộ nông nghiệp và Môi trường, Cổng dịch vụ công quốc gia;

đ) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

24. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

25. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, quy định của pháp luật.

26. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

27. Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

28. Thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn Nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

29. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc UBND cấp huyện; chức danh chuyên môn thuộc UBND cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và môi trường tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với UBND cấp huyện; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và môi trường công tác trên địa bàn cấp xã với UBND cấp xã.

30. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

31. Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật hoặc phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

32. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng nông thôn mới; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; quản lý buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; bảo vệ tài nguyên, môi trường trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

33. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định.

34. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ, văn phòng; mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Sở theo hướng dẫn chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và theo quy định của UBND tỉnh.

35. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với CCVCNLD thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp và môi trường theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND tỉnh.

36. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật, theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

37. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

38. Thực hiện nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CƠ QUAN SAU HỢP NHẤT

1. Phương án hợp nhất

- Hợp nhất Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Hợp nhất Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Hợp nhất Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Phòng Kế hoạch, Tài chính thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Tách Phòng Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thành Phòng Phát triển nông thôn và Phòng Chính sách, trên cơ sở tiếp nhận nhiệm vụ về Giảm nghèo của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và sắp xếp, cân đối chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng thuộc Sở.

- Tổ chức lại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trên cơ sở chuyển 09 trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp huyện thuộc Chi cục về Trung tâm Khuyến nông

để hợp nhất với 09 trạm Khuyến nông cấp huyện thành Trạm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện thuộc Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh.

- Tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông thành Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp trên cơ sở tiếp nhận 09 trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp huyện thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để hợp nhất với 09 trạm Khuyến nông cấp huyện thành Trạm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện thuộc Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh.

- Hợp nhất Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành Trung tâm Nước sạch và Môi trường.

- Giữ nguyên 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (Phòng Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản, Phòng Quản lý đất đai và Phòng Bảo vệ môi trường), 03 Chi cục (Chi cục Thủy lợi; Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Chăn nuôi và Thú y) và 03 đơn vị sự nghiệp (Ban quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng; Văn phòng Đăng ký đất đai; Trung tâm Phát triển quỹ đất) trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy sau khi hợp nhất

Sở Nông nghiệp và Môi trường dự kiến có 12 phòng, chi cục và 05 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc gồm:

- Văn phòng Sở;
- Thanh tra Sở (nếu có);
- Phòng Kế hoạch, Tài chính;
- Phòng Phát triển nông thôn;
- Phòng Chính sách;
- Phòng Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản;
- Phòng Quản lý đất đai;
- Phòng Bảo vệ môi trường.
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Chi cục Thủy lợi;
- Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp;
- Trung tâm Nước sạch và Môi trường;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất;
- Văn phòng Đăng ký đất đai.
- Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng.

V. DỰ KIẾN BIÊN CHẾ CỦA CƠ QUAN SAU SẮP XẾP, HỢP NHẤT

Tổng biên chế của Sở Nông nghiệp và Môi trường sau hợp nhất là **544**, trong đó công chức: **199** biên chế, viên chức: **345** biên chế (trong đó, 190 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, 155 biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu); việc phân bổ biên chế cụ thể cho các phòng, ban chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc do Giám đốc Sở thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao của từng phòng, ban chuyên môn và đơn vị sự nghiệp và nằm trong tổng biên chế công chức, viên chức được UBND tỉnh giao cho Sở.

Sau khi Đề án hợp nhất được triển khai, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy sau sắp xếp và trình độ, năng lực công tác của công chức, viên chức, Sở Nội vụ tiếp tục đánh giá, bố trí, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế theo đúng lộ trình quy định (giảm tối thiểu 20% công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước để giảm biên chế theo phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy).

VI. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NHÂN SỰ SAU HỢP NHẤT

1. Về nguyên tắc bố trí

Căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan sau sắp xếp và tiêu chuẩn, năng lực công chức, viên chức, tập thể Đảng ủy, Ban Giám đốc xem xét, quyết định lựa chọn, bố trí, sắp xếp phù hợp.

Đối với trưởng phòng và tương đương trong trường hợp sau khi thực hiện sắp xếp không thể bố trí tiếp tục làm trưởng phòng và tương đương thì được sắp xếp, bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề và được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật; đối với số lượng cấp phó cấp phòng sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án phải thực hiện giảm số lượng cấp phó đảm bảo đúng số lượng cấp phó theo quy định.

Đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị thực hiện bố trí công chức, viên chức phù hợp với nhiệm vụ của công chức, viên chức đang đảm nhiệm trước khi sắp xếp, trường hợp không còn nhiệm vụ thì bố trí sang phòng chuyên môn, đơn vị khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

2. Dự kiến phương án bố trí

Đối với chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương: tập thể Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy sau sắp xếp và trình độ, năng lực công tác của từng trường hợp cụ thể để xem xét bố trí, sắp xếp phù hợp hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

Đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: tiếp tục bố trí công chức, viên chức phù hợp với nhiệm vụ của công chức, viên chức đang đảm nhiệm trước khi sắp xếp, trường hợp không còn nhiệm vụ thì bố trí sang phòng

chuyên môn, đơn vị khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

VII. PHƯƠNG ÁN TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ TÀI SẢN CỦA CƠ QUAN SAU SẮP XẾP, HỢP NHẤT

1. Trụ sở làm việc

Sử dụng trụ sở hiện nay của Sở Nông nghiệp và PTNT (số 96 Đường Phạm Tung, Khu phố 1, Phường 3, thành phố Tây Ninh) làm trụ sở làm việc của Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các phòng chuyên môn, Văn phòng Sở, Thanh tra Sở.

Trụ sở hiện nay của Sở Tài nguyên và Môi trường (số 606 Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 3, thành phố Tây Ninh) làm trụ sở làm của các cơ quan, đơn vị: Chi cục Thủy lợi, Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Trung tâm Nước sạch và Môi trường.

Các cơ quan, đơn vị còn lại tiếp tục sử dụng trụ sở làm việc như hiện nay.

Sau khi đi vào hoạt động, Sở có trách nhiệm rà soát, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư sửa chữa, cải tạo, xây dựng theo nhu cầu và tiêu chuẩn định mức theo quy định.

2. Tài sản

Chuyển giao nguyên trạng cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản, công trình, dự án, vốn đầu tư công hiện của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường về Sở Nông Nghiệp và Môi trường;

VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Tổ chức bộ máy được tinh gọn, nâng cao chất lượng công chức, viên chức và hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, cụ thể:

- Về tổ chức bộ máy:

+ Các phòng và tương đương thuộc Sở: từ 10 phòng giảm còn 08 phòng, đạt tỷ lệ 20% theo Phương án 1; còn 07 phòng, đạt 30% theo Phương án 2.

+ Các đơn vị sự nghiệp: từ 06 đơn vị giảm còn 05 đơn vị, đạt tỷ lệ 16,67%.

+ Các tổ chức bên trong thuộc chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập: từ 68 phòng và tương đương giảm còn 57 phòng và tương đương, đạt tỷ lệ 16,18%.

- Về biên chế: giảm 17 biên chế công chức, đạt 8%; chuyển 21 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu, đạt 10%.

- Về nhân sự: giảm số lượng công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, hỗ trợ, phục vụ.

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, HỢP NHẤT

1. Tác động tích cực

a) Tổ chức bộ máy được sắp xếp tinh gọn, giảm đầu mối, giảm biên chế, giảm chi ngân sách nhà nước cho hoạt động của tổ chức bộ máy, trang thiết bị, tài sản.

b) Tăng hiệu quả quản lý: giảm chồng chéo, trùng lặp, giao thoa chức năng, nhiệm vụ giữa 02 Sở và giữa các phòng, đơn vị trực thuộc; tập trung nguồn lực vào các nhiệm vụ trọng tâm và đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn: chuyên môn hóa chức năng các phòng, đơn vị, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Tác động không mong muốn

- Các chức năng, nhiệm vụ cơ bản không thay đổi, nhưng áp lực công việc trên các lĩnh vực ngày càng nhiều; giảm nhiều đầu mối nên việc chỉ đạo, điều hành bước đầu chưa ổn định tổ chức bộ máy của Ngành sẽ không thể tránh khỏi khó khăn, lúng túng trong thực hiện.

- Các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và của Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa kịp điều chỉnh, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thống nhất từ trung ương đến cấp tỉnh, huyện, dẫn đến khó khăn trong việc quy định cơ cấu tổ chức, biên chế và nhân sự sau khi kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở.

- Việc sắp xếp tổ chức bộ máy làm thay đổi vị trí, môi trường làm việc nên phần nào ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng và quyền lợi của công chức, viên chức và người lao động.

X. VỀ CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Công chức, viên chức sau sắp xếp nếu không còn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có mức phụ cấp chức vụ thấp hơn trước khi sắp xếp thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định, cụ thể: Bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm, trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng.

2. Công chức, viên chức, hợp đồng lao động dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, do không đảm bảo sức khỏe, năng lực, uy tín để thực hiện nhiệm vụ mới hoặc có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay thì được đảm bảo chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

PHẦN V THỜI GIAN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành việc xây dựng Đề án hợp nhất của Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường gửi các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan góp ý chậm nhất **ngày 31/12/2024**; gửi Sở Nội vụ thẩm định chậm nhất **ngày 10/01/2025**; trình UBND tỉnh Đề án chậm nhất **ngày 15/01/2025**.

- UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xem xét, cho ý kiến trước khi trình HĐND tỉnh Đề án chậm nhất trong **tháng 01/2025**.

- UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Đề án chậm nhất trong **tháng 02/2025**.

- Hoàn thành việc hợp nhất và kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường chậm nhất trong **tháng 02/2025** (sau khi thông qua HĐND tỉnh).

- UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức sau khi sắp xếp và đi vào hoạt động ổn định chậm nhất trong **tháng 2/2025**.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án hợp nhất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp và PTNT; tài nguyên và môi trường; triển khai các chính sách, chế độ đảm bảo hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện Đề án cũng như đảm bảo các phương án tổ chức, nguồn lực thực hiện. Thực hiện việc giao nộp con dấu của cơ quan cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Đề án hợp nhất; sắp xếp, tổ chức bộ máy; bảo đảm quản lý các nhiệm vụ về tài nguyên, môi trường hiệu quả; đồng thời, hợp nhất các đơn vị sau sáp nhập đảm bảo sự thống nhất theo quy định. Thực hiện việc giao nộp con dấu của cơ quan cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Sở Tài chính

Bố trí nguồn kinh phí trong quá trình triển khai Đề án; có phương án quản lý tài sản công sau khi hợp nhất; đồng thời, đề xuất phương án phân bổ ngân sách đảm bảo kinh phí liên quan đến việc chi hỗ trợ chế độ cho công chức, viên chức, người lao động.

4. Sau khi hợp nhất, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trình UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở và các chi cục trực thuộc Sở; hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nông nghiệp và Môi trường; đảm bảo thời gian và lộ trình thực hiện.

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở đảm bảo thời gian và lộ trình thực hiện.

c) Phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tài chính xây dựng cụ thể phương án sắp xếp, bố trí nhân sự, tài sản sau khi hợp nhất đảm bảo thời gian và lộ trình thực hiện.

d) Ban hành Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng thuộc Sở và các tổ chức bên trong thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.

đ) Chỉ đạo, đôn đốc Thủ trưởng các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc:

- Triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án này đảm bảo đúng nội dung, thời gian và lộ trình; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của phòng, cơ quan, đơn vị mình.

- Phối hợp Công đoàn cơ sở cùng cấp tổ chức thực hiện tốt công tác tư tưởng đối với công chức, viên chức, người lao động trước, trong và sau khi hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Khi sắp xếp tổ chức bên trong cơ quan, đơn vị mình, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đúng quy định. Lấy kết quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế làm tiêu chí đánh giá, xếp loại hàng năm của người đứng đầu đơn vị.

- Chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở, Thủ trưởng các đơn vị: Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thu hồi con dấu của cơ quan, đơn vị mình quản lý, giao trả cho Công an tỉnh quản lý theo quy định.

Trên đây là Đề án hợp nhất Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận: 

- TT. UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LDVP, PNC;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Thanh